

Giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp

Nguyễn Đức Huy¹, Lê Hồng Khanh^{*2}

¹ Email: ndhuy@moet.edu.vn

Bộ Giáo dục và Đào tạo
35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

* Tác giả liên hệ

² Email: khanhh@epu.edu.vn

Trường Đại học Điện lực
235 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Hiện nay, thế giới đang hướng tới toàn cầu hóa nền kinh tế và giáo dục. Sự tiến bộ của khoa học, công nghệ hiện đại đã giúp cho sự kết hợp doanh nghiệp với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội một cách bền vững. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nỗ lực nhưng sự kết nối này vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong đợi. Bài viết đề xuất một số giải pháp để gia tăng sự kết nối giữa doanh nghiệp với nhà trường dựa trên một số lý luận và đánh giá thực tế sự kết nối này với mục tiêu tìm ra cách để cải thiện và tăng cường, từ đó đem lại lợi ích trong việc nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo và hợp tác giữa hai bên.

TỪ KHÓA: Nhà trường, doanh nghiệp, sự kết nối, phát triển, lợi ích.

→ Nhận bài 12/7/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 26/7/2024 → Duyệt đăng 15/9/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410905>

1. Đặt vấn đề

Thế giới đang tiến tới toàn cầu hóa nền giáo dục, kinh tế và xã hội nhờ sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, theo đó sự kết nối nhà trường với doanh nghiệp đang trở thành một yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong nhà trường, đồng thời thúc đẩy phát triển bền vững nền kinh tế. Việc kết nối giữa hai bên không chỉ tạo ra cơ hội cho người học, giáo viên tiếp cận với điều kiện làm việc thực tế mà còn giúp doanh nghiệp tiếp cận được nguồn lao động chất lượng cao, thúc đẩy việc nghiên cứu và phát triển (R&D).

Tại Việt Nam, đã có nhiều cố gắng nhằm cải thiện sự kết nối giữa các doanh nghiệp với nhà trường nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Theo báo cáo tổng hợp của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), chỉ khoảng 30% các trường tại Việt Nam kết nối vào được các dự án R&D của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, một nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (2022) chỉ ra rằng, 68% người học tại một số cơ sở giáo dục lớn ở Việt Nam chưa kết nối được với doanh nghiệp để thực tập [1].

Các con số trên cho thấy, việc kết nối giữa doanh nghiệp với nhà trường vẫn chưa làm được ở mức độ lan rộng và hiệu quả mong đợi. Theo đó, nhu cầu cần thiết phải tìm ra một số giải pháp hiệu quả để tăng cường mối quan hệ này. Việc tìm ra các giải pháp hiệu quả không chỉ giúp nâng cao chất lượng nghiên cứu, đào tạo mà còn đáp ứng tốt nhu cầu về nguồn nhân lực cho doanh nghiệp. Hơn nữa, kết hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp với nhà trường cũng góp phần thúc đẩy việc nghiên cứu, phát triển (R&D) và tạo ra các giá trị tích cực cho xã hội.

Vấn đề “Giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp” nhằm tìm hiểu sâu hơn về thực tế, lợi ích cũng như những thách thức mà các bên đang phải đối diện. Qua đó, nghiên cứu này sẽ đưa ra các giải pháp khả thi và hiệu quả nhằm cải thiện và phát triển sự kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp tại Việt Nam. Những giải pháp này sẽ không dừng lại ở lý thuyết mà còn hướng đến tính thực tế cao, có thể ứng dụng và đem lại lợi ích thực tiễn cho hai bên trong ngắn hạn và dài hạn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Định nghĩa và lý thuyết nền tảng

a. Định nghĩa hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp

Hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp là một sự kết nối đôi tác mà trong đó cả hai bên cùng tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, giáo dục và đào tạo, đem lại lợi ích cho hai bên. Sự kết nối này gồm các hoạt động như tạo điều kiện cho sinh viên thực tập, nghiên cứu chung, trao đổi kinh nghiệm, kiến thức và các công nghệ cũng như các dự án hợp tác phát triển và đổi mới. Theo Hiệp hội Giáo dục Quốc tế (NAFSA, 2015), sự kết hợp giữa doanh nghiệp với nhà trường có thể được hiểu là: “Mối quan hệ đối tác chiến lược giữa các tổ chức giáo dục và doanh nghiệp nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển cũng như cải thiện cơ hội việc làm cho sinh viên”.

b. Lý thuyết nền tảng

Lý thuyết Triple Helix (Ba vòng xoắn): Lý thuyết Triple Helix được phát triển bởi Henry Etzkowitz và

Loet Leydesdorff vào thập niên 1990, là một trong những lí thuyết cơ bản giải thích về sự kết hợp giữa doanh nghiệp với nhà trường và Chính phủ. Theo lí thuyết này, sự kết hợp giữa các yếu tố này đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Trong bối cảnh này, cơ sở giáo dục không những đóng vai trò trong việc nghiên cứu, đào tạo mà còn chủ động trong việc tạo ra và ứng dụng các tri thức mới [2].

Lí thuyết Vốn nhân lực: Lí thuyết Vốn nhân lực do Gary Becker phát triển, khẳng định vai trò của giáo dục, đào tạo trong việc nâng cao khả năng và giá trị của nguồn nhân lực. Theo lí thuyết này, đầu tư vào giáo dục, đào tạo không chỉ giúp cá nhân thay đổi kĩ năng và kiến thức mà còn mang lại sự phát triển kinh tế cho xã hội thông qua việc tăng năng suất lao động. Hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp theo lí thuyết này là cách hiệu quả để tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực [3].

Lí thuyết Học thuyết hệ thống: Lí thuyết Học thuyết hệ thống do Ludwig von Bertalanffy phát triển, nhấn mạnh các tổ chức và cá nhân được xem xét như một phần của hệ thống lớn hơn. Theo lí thuyết này, sự thành công của việc kết nối giữa nhà trường và doanh nghiệp phụ thuộc vào các thành tố trong hệ thống tương hỗ lẫn nhau. Việc thiết lập các cơ chế kết hợp hiệu quả để giúp tối ưu hóa hoạt động của hệ thống, đem lại lợi ích cho cả hai phía [4].

c. Tâm quan trọng của hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp

Kết hợp giữa doanh nghiệp với nhà trường đóng vai trò chủ yếu trong việc nâng cao chất lượng nghiên cứu, giáo dục và đào tạo. Theo báo cáo của OECD (2018), các quốc gia có sự kết nối mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp với nhà trường thường có tỉ lệ việc làm cao hơn cho người học sau khi tốt nghiệp cũng như tăng khả năng cạnh tranh kinh tế tốt hơn [5].

Đối với người học: Sự kết hợp này giúp người học có nhiều cơ hội thực tập và học hỏi kĩ năng thực tế trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp. Từ đó nâng cao khả năng được tuyển dụng sau khi hoàn thành chương trình học trong nhà trường.

Đối với nhà trường: Sự kết hợp này cung cấp nguồn tài nguyên, kiến thức và cơ hội nghiên cứu, nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo.

Đối với doanh nghiệp: Sự kết hợp với các nhà trường sẽ giúp doanh nghiệp có được nguồn lao động chất lượng cao, mở ra nhiều ý tưởng thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

Như vậy, việc kết nối và duy trì hợp tác giữa doanh nghiệp với nhà trường là một chiến lược quan trọng để nâng cao chất lượng nghiên cứu, giáo dục và đào tạo, tăng cường năng lực phát triển cho hai bên trong hoàn cảnh kinh tế toàn cầu.

2.1.2. Các mô hình hợp tác phổ biến

Sự kết hợp giữa doanh nghiệp với nhà trường được triển khai trên nhiều phương thức khác nhau. Dưới đây là các phương thức phổ biến và có thể mang lại lợi ích cho cả hai bên.

a. Chương trình thực tập

Mô tả: Chương trình thực tập cung cấp cho người học cơ hội thực hành và học hỏi kĩ năng thực tiễn trong môi trường thực tế doanh nghiệp. Đây là cầu nối quan trọng giữa lí thuyết và thực tế. Theo một nghiên cứu của National Association of Colleges and Employers (NACE), 60% người học tham gia thực tập tại doanh nghiệp đã được tuyển dụng vào làm việc cho các doanh nghiệp [6]. Ngoài ra, người học cũng cho biết, họ cảm thấy tự tin hơn về kiến thức, kĩ năng của bản thân sau khi hoàn thành thực tập [7].

Lợi ích: Chương trình thực tập đã đem lại lợi ích cho người học, doanh nghiệp và nhà trường. Người học có điều kiện tiếp cận môi trường làm việc thực tiễn, cải thiện kĩ năng mềm và xây dựng mối quan hệ chuyên nghiệp. Đối với doanh nghiệp, họ có thể tuyển dụng được nhân sự chất lượng cao và đào tạo được theo nhu cầu cụ thể của mình [8]. Nhà trường cũng hưởng lợi từ việc nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo, đồng thời tăng cường sự kết hợp với các doanh nghiệp [9].

b. Hợp tác nghiên cứu và phát triển (R&D)

Mô tả: Hợp tác R&D gồm các dự án nghiên cứu, đào tạo chung giữa doanh nghiệp với nhà trường nhằm tạo ra các dịch vụ, sản phẩm hoặc công nghệ mới.

Lợi ích:

- *Đối với nhà trường:* Cải thiện chất lượng nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo, tăng cường uy tín học thuật và nhận được các nguồn tài trợ từ nhiều doanh nghiệp.

- *Đối với doanh nghiệp:* Tiếp cận được nguồn lao động chất lượng cao, tri thức mới, công nghệ tiên tiến, giảm chi phí và rủi ro R&D, tăng được khả năng cạnh tranh.

Ví dụ: Các trường thành viên của Đại học Bách khoa Hà Nội đã kết nối được với Tập đoàn Viettel để thực hiện các nghiên cứu về ứng dụng công nghệ 5G trong ngành Công nghiệp. Dự án này đã đem lại những kết quả tốt và mở ra những cơ hội hợp tác tiếp theo [10].

c. Tài trợ học bổng

Mô tả: Doanh nghiệp tài trợ học bổng cho người học có thành tích xuất sắc hoặc những nghiên cứu có tiềm năng nhằm thúc đẩy việc phát triển các tài năng và nghiên cứu trong các lĩnh vực liên quan.

Lợi ích:

- *Đối với người học:* Được hỗ trợ kinh phí, có động lực học tập và nghiên cứu, tăng cơ hội tìm công việc tốt trong tương lai.

- *Đối với doanh nghiệp:* Tạo dựng hình ảnh và thương

hiệu tốt; thu hút, phát triển nhân tài và xây dựng sự gắn kết với các nhà trường.

Ví dụ: Công ty Intel Việt Nam tài trợ nhiều học bổng cho sinh viên các ngành kỹ thuật tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Bách khoa Hà Nội. Theo một báo cáo của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, khoảng 80% sinh viên nhận học bổng từ Intel đã tìm được việc làm ngay sau khi ra trường và nhiều người trong số họ đã được vào làm việc tại các vị trí quan trọng trong doanh nghiệp [10]. Học bổng này không chỉ giúp sinh viên có thêm tinh thần học tập mà còn giúp Intel có được lực lượng lao động chất lượng tốt trong tương lai [11].

d. Các dự án liên kết đào tạo

Mô tả: Doanh nghiệp với nhà trường xây dựng các chương trình hợp tác đào tạo theo tình hình thực tiễn của thị trường lao động.

Lợi ích:

Đối với nhà trường: Nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo, bổ sung, đổi mới chương trình giảng dạy theo xu hướng thị trường và tạo ra cơ hội việc làm cho người học.

Đối với doanh nghiệp: Tạo được nguồn lao động phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công việc, giảm các chi phí về việc đào tạo lại và nâng cao hiệu quả kinh doanh, sản xuất.

Ví dụ: Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (HUTECH) đã hợp tác với Tập đoàn FPT triển khai Chương trình đào tạo về công nghệ và quản trị kinh doanh. Theo báo cáo của HUTECH, hơn 70% người học tham gia chương trình này đã tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp với mức lương khởi điểm cao hơn 20% so với người học các chương trình truyền thống [12]. Chương trình này giúp người học nắm bắt nhanh chóng các kỹ năng cần thiết, theo đó còn giúp FPT tiếp cận và tuyển được các nhân tài phù hợp với yêu cầu của đơn vị [13].

2.1.3. Lợi ích của hợp tác

a. Lợi ích đối với nhà trường

Cung cấp cho người học điều kiện tiếp cận thực tiễn và phát triển kỹ năng mềm: Hợp tác với doanh nghiệp giúp người học có điều kiện tiếp cận với môi trường thực tế thông qua các chương trình thực tập, đề án nghiên cứu và các hoạt động khác. Điều này không chỉ giúp người học áp dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn mà còn phát huy các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc tập thể và giải quyết các vấn đề cụ thể. Ví dụ: Theo nghiên cứu của Bùi Thanh An và Lê Văn Bình (2021), Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tham gia thực tập tại doanh nghiệp cho biết họ đã cải thiện rõ hơn các kỹ năng mềm và nhận được ý kiến phản hồi tích cực

từ các doanh nghiệp về khả năng làm việc trong thực tế của họ [14].

Nâng cao chất lượng đào tạo: Sự kết hợp với doanh nghiệp giúp các nhà trường cập nhật chương trình đào tạo theo yêu cầu thực tế của thị trường. Các doanh nghiệp có thể cung cấp thông tin cần thiết về các kỹ năng và kiến thức, giúp nhà trường điều chỉnh và thay đổi chất lượng đào tạo theo hướng phù hợp với thực tế. Ví dụ: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội đã kết hợp với các công ty về tài chính để tạo các khóa học chuyên về kiểm toán, quản lý tài chính, giúp người học nắm chắc kỹ năng, kiến thức cần thiết cho ngành nghề này [14].

Cải thiện uy tín của nhà trường: Hợp tác với doanh nghiệp có uy tín sẽ nâng cao được uy tín nhà trường. Những thành công trong các nghiên cứu chung và các chương trình đào tạo chất lượng cao làm tăng độ tin cậy và danh tiếng của nhà trường trong mắt người học, phụ huynh và xã hội. Ví dụ: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội đã tăng cường uy tín của mình thông qua các hợp tác nghiên cứu với Tập đoàn Viettel, mang lại nhiều kết quả tốt trong nghiên cứu và được xã hội thừa nhận [14].

Tăng cơ hội việc làm cho người học sau khi ra trường: Nhờ sự kết hợp chặt chẽ với doanh nghiệp, người học có cơ hội tiếp cận với các vị trí việc làm ngay khi còn ngồi trong ghế nhà trường. Theo đó, sẽ giúp tăng tỉ lệ người học có việc làm ngay sau khi ra trường, cải thiện tốt việc đào tạo của nhà trường. Ví dụ: Theo báo cáo của Đại học FPT, hơn 85% người học của nhà trường đã tìm được việc trong vòng 6 tháng sau khi ra trường nhờ vào các chương trình kết hợp với doanh nghiệp [14].

b. Lợi ích đối với doanh nghiệp

Tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao: Doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận và tuyển dụng trực tiếp những sinh viên ưu tú thông qua việc thực tập và hợp tác với nhà trường. Điều này giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí trong việc tuyển dụng và đào tạo nhân sự mới. Ví dụ: Tập đoàn Intel Việt Nam đã tuyển dụng hơn 50% sinh viên thực tập từ các trường lớn như Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Bách Khoa Hà Nội sau khi sinh viên thực tập xong và tốt nghiệp ra trường [10].

Thúc đẩy sự đổi mới và sáng tạo: Kết hợp với các nhà trường sẽ giúp doanh nghiệp có được các tư duy mới và những ý tưởng mới từ những người học và giảng viên. Điều này có thể đẩy nhanh quá trình phát triển các dịch vụ, sản phẩm, đẩy mạnh khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Ví dụ: Công ty FPT Software đã hợp tác với Đại học Bách Khoa Hà Nội để phát triển các sản phẩm mới, giải pháp tiên tiến, giúp công ty này giữ vững vị thế đầu tàu trong lĩnh vực công nghệ thông tin [10].

Đẩy mạnh khả năng cạnh tranh trên thị trường: Việc

tiếp cận các nghiên cứu mới về khoa học, công nghệ từ các nhà trường đã giúp doanh nghiệp cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất, từ đó đẩy mạnh khả năng cạnh tranh các sản phẩm, dịch vụ trên thị trường. Ví dụ: Tập đoàn Viettel đã kết hợp với Đại học Bách Khoa Hà Nội trong các nghiên cứu về công nghệ 5G, giúp Viettel trở thành một công ty dẫn đầu về công nghệ viễn thông tại Việt Nam [10].

Tạo ra cơ hội hợp tác lâu dài với nhà trường: Các dự án hợp tác thành công sẽ mang lại lợi ích trước mắt, tạo nền tảng cho sự kết hợp lâu dài giữa doanh nghiệp và nhà trường. Điều này giúp tạo nên một môi trường đổi mới và phát triển. Ví dụ: Sự kết hợp giữa Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Tập đoàn Intel không những chỉ ở các nghiên cứu mà còn kết hợp cả những chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghệ [10].

2.2. Phân tích thực trạng

2.2.1. Thực trạng hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp tại Việt Nam

a. Thực trạng hợp tác trong nghiên cứu và phát triển (R&D)

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2023), chỉ có khoảng 30% các nhà trường tham dự vào các nghiên cứu và phối hợp với doanh nghiệp. Mặc dù con số này tăng so với các năm trước đó nhưng vẫn còn ít so với một số nước phát triển. Việc này cho thấy đã có những bước phát triển nhưng vẫn còn ít kết hợp R&D giữa doanh nghiệp và nhà trường [1]. Ví dụ: Năm 2022, Đại học Bách Khoa Hà Nội chỉ thực hiện khoảng 20 dự án R&D phối hợp với doanh nghiệp so với con số hơn 50 dự án tại các nhà trường hàng đầu ở Singapore, Thái Lan [1], [10]. Đây là con số khá nhỏ khi so sánh với quốc gia phát triển trong khu vực và thế giới: Ở Singapore, tỉ lệ này là khoảng 60%, nhờ vào chính sách khuyến khích mạnh mẽ từ Chính phủ và sự chủ động kết hợp của doanh nghiệp [5]. Tại Nhật Bản, tỉ lệ các nhà trường tham gia vào các R&D với doanh nghiệp đạt khoảng 50% [15].

Nguyên nhân của tỉ lệ thấp trong hợp tác R&D: 1/ Thiếu nguồn kinh phí và nhận sự: Nhiều nhà trường và doanh nghiệp Việt Nam gặp trở ngại trong việc đầu tư cho các dự án R&D do thiếu hụt về tài chính và nhân sự chuyên môn; 2/ Khung pháp lý chưa đầy đủ: Các căn cứ quy định pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả nghiên cứu còn thiếu rõ ràng và chưa khuyến khích hợp tác mạnh mẽ; 3/ Khả năng tiếp cận thông tin và kết nối còn yếu: Nhiều doanh nghiệp và nhà trường còn gặp khó khăn tìm kiếm các nguồn R&D và thiết lập kênh liên lạc hiệu quả.

b. Thực trạng hợp tác trong chương trình thực tập

Trong một khảo sát của Viện Nghiên cứu Kinh tế

và Chính sách (2022), có 32% sinh viên tại các nhà trường cho biết họ đã tham gia thực tập trong các doanh nghiệp. Con số này cho thấy rằng, cơ hội để người học tiếp cận với môi trường, điều kiện làm việc thực tiễn vẫn còn hạn chế [16]. Ví dụ: Ở Hàn Quốc, tỉ lệ người học tham gia thực tập tại công ty, nhà máy lên tới 70% nhờ vào sự kết hợp mạnh mẽ giữa các công ty, nhà máy với nhà trường [17]. Ở Đức, nhờ có hệ thống đào tạo kép (Dual education system), khoảng 80% người học các trường nghề đã tham gia thực tập tại công ty, cơ quan, nhà máy [18].

Nguyên nhân của tỉ lệ thấp trong chương trình thực tập: 1/ Thiếu kết nối giữa doanh nghiệp với nhà trường: Nhiều doanh nghiệp và nhà trường chưa có các mối liên hệ hiệu quả để tạo môi trường cho người học được đi thực tập; 2/ Chất lượng và nội dung chương trình thực tập chưa đủ hấp dẫn: Một số chương trình thực tập hiện tại chưa phù hợp với yêu cầu của người học cũng như doanh nghiệp; 3/ Thiếu sự hỗ trợ, đồng hành: Sinh viên thiếu sự hỗ trợ cụ thể, chi tiết từ doanh nghiệp, nhà trường trong suốt thời gian tham gia thực tập, dẫn đến hiệu quả không cao.

c. Thực trạng tài trợ học bổng và các dự án liên kết đào tạo

Việc doanh nghiệp hỗ trợ các học bổng và dự án nghiên cứu cũng chưa nhiều. Nhiều doanh nghiệp vẫn còn e ngại về tài trợ cho trường học do lo ngại về hiệu quả và lợi ích lâu dài. Năm 2022, chỉ có khoảng 15% các đơn vị tham gia hỗ trợ học bổng cho người học, trong khi ở Mỹ và Anh trên 50% [1].

d. Thực trạng kết hợp trong dự án nghiên cứu chung

Đã có một vài doanh nghiệp và nhà trường tiên phong hợp tác nghiên cứu chung nhưng con số này vẫn còn khá hạn chế. Các hợp tác nghiên cứu chung thường gặp khó khăn trong việc liên kết và chia sẻ thông tin giữa hai bên. Ví dụ: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và Ngân hàng Vietcombank thực hiện một số dự án nghiên cứu tài chính và ngân hàng nhưng số dự án chưa nhiều và chưa có sự lan tỏa rộng rãi [16].

2.2.2. Nguyên nhân và thách thức

Thiếu kết nối, thông tin: Doanh nghiệp và nhà trường còn thiếu kênh liên lạc hiệu quả để kết nối và chia sẻ thông tin về nguồn lực.

Hạn chế nguồn lực: Nhiều doanh nghiệp, nhà trường còn thiếu nguồn lực tài chính và nhân sự để thực hiện các hợp tác mang tính chất quy mô lớn.

Khung pháp lý chưa hoàn thiện: Các quy định pháp lý về việc kết hợp giữa doanh nghiệp với nhà trường còn chưa rõ ràng và thiếu hỗ trợ cụ thể, gây trở ngại trong việc thực hiện các hợp tác.

Văn hóa hợp tác chưa phổ biến: Tư duy và văn hóa hợp tác giữa các bên chưa thực sự được khuyến khích

và phát triển việc nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo, nhất là trong việc tạo ra đội ngũ người lao động có trình độ, tay nghề cao để phục vụ cho cộng đồng xã hội.

Như vậy, hiện trạng hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp còn nhiều tồn tại và thách thức. Tuy nhiên, nếu có nhiều sự quan tâm hơn nữa từ cả hai phía kèm theo với những quy định rõ ràng của pháp luật có thể kì vọng rằng, sự kết hợp sẽ được cải tiến mạnh hơn trong thời gian tới.

2.3. Giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp

2.3.1. Tạo ra môi trường hợp tác cởi mở

Nhà trường cần tạo ra các cơ chế và chương trình kích thích sự hợp tác với doanh nghiệp, tạo lập trung tâm nghiên cứu chung, tổ chức hội thảo và sự kiện, chia sẻ kinh nghiệm, tri thức mới, cùng nhau thực hiện các nghiên cứu.

a. Thiết lập các trung tâm nghiên cứu chung

Các nhà trường có thể kết hợp với đơn vị để thành lập trung tâm nghiên cứu chung, nơi mà cả hai bên cùng đóng góp tài nguyên và kiến thức chuyên môn. Những trung tâm này sẽ nghiên cứu các thế mạnh và nhu cầu của cả hai bên. Ví dụ, Đại học Bách Khoa Hà Nội có Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ hợp tác với Tập đoàn FPT, chủ yếu nghiên cứu về AI (*Artificial Intelligence*). Trung tâm này đã có hơn 100 hợp tác trong vòng ba năm kể từ khi thành lập [19].

b. Tổ chức hội thảo và sự kiện để chia sẻ kiến thức

Nhà trường nên có nhiều các hội nghị để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm với sự có mặt của cả người dạy, người học và chuyên gia từ các tổ chức. Những hội nghị này không chỉ giúp bổ sung các kiến thức, mà còn có cơ hội giao lưu học hỏi lẫn nhau. Chẳng hạn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thường tổ chức các hội nghị về công nghệ mới, mời các nhà chuyên môn từ các công ty như Intel, Samsung và IBM tham gia. Điều này đã giúp doanh nghiệp, nhà trường có được nhiều mối quan hệ, dự án nghiên cứu mới [19].

c. Thúc đẩy các nghiên cứu và tạo môi trường phát triển chung

Doanh nghiệp cùng nhà trường cần đẩy mạnh việc cùng nhau phát triển các nghiên cứu. Các dự án này cần được tài trợ bởi cả hai bên hoặc có hỗ trợ từ phía nhà nước. Việc hợp tác này không chỉ giúp doanh nghiệp các vấn đề thực tiễn mà còn giúp nhà trường cải thiện chất lượng nghiên cứu và giảng dạy. Ví dụ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân hợp tác với Tập đoàn Viettel để thực hiện nghiên cứu về công nghệ 5G đối với ngành Công nghiệp. Dự án này đã có những kết quả tốt và tạo ra cơ hội hợp tác tiếp theo [19].

2.3.2. Xây dựng chương trình thực tập chất lượng

Nhà trường nên tổ chức cho người học được đi thực tập một cách có chất lượng. Theo đó, người học có thể ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, qua đó tổ chức có thể lựa chọn được nhân sự tốt nhất.

a. Thiết kế kế hoạch thực tập thích hợp với yêu cầu doanh nghiệp

Nhà trường kết hợp với doanh nghiệp để lên kế hoạch thực tập phù hợp với nhu cầu của xã hội. Kế hoạch này phải xây dựng phù hợp cho người học có thể thực hành các nội dung được học vào thực tiễn, qua đó, đơn vị, tổ chức có thể tuyển chọn các cán bộ tiềm năng. Ví dụ, Đại học FPT kết hợp với nhiều công ty như FPT Software, VNG Corporation để thiết kế các kế hoạch thực tập kéo dài từ 0,6 - 1 năm, giúp người học tích lũy kĩ năng làm việc và sẵn sàng vào làm sau khi hoàn thành khóa học [10].

b. Hỗ trợ cho người học trong quá trình thực tập

Nhà trường cần tạo điều kiện hỗ trợ cho người học trong suốt thời gian đi thực tập, bao gồm việc hướng dẫn, tư vấn và đánh giá. Các giảng viên, chuyên gia của các tổ chức, đơn vị nên tham gia vào thời gian này để người học nhận được sự hỗ trợ tốt nhất. Chẳng hạn, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo lập các phòng tư vấn thực tập và hướng nghiệp, nơi các chuyên gia tư vấn giúp người học có quyết định chính xác cho các kì thực tập [10].

c. Đánh giá, sửa đổi, bổ sung các kế hoạch thực tập thường xuyên

Nhà trường cần thường xuyên rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung các kế hoạch thực tập trên cơ sở ý kiến từ người học, tổ chức, đơn vị. Việc này giúp kế hoạch thực tập phù hợp nhu cầu thay đổi của thị trường việc làm trong xã hội. Ví dụ, Đại học Quốc gia Hà Nội khảo sát định kì đối với người học và các nhà tuyển dụng để lấy ý kiến và chỉnh sửa kế hoạch thực tập sao cho phù hợp nhất. Kết quả cho thấy, tỉ lệ người học được nhận vào làm việc sau khi hoàn thành chương trình học đã tăng từ 70% lên 85% sau khi áp dụng các cải tiến này [10].

2.3.3. Tăng cường giao lưu thông tin

Việc tăng cường giao lưu thông tin giữa doanh nghiệp với nhà trường qua các cuộc gặp gỡ, hội thảo và mạng lưới cộng đồng sẽ tạo ra môi trường kết hợp mới và tăng hiệu quả của các dự án.

a. Tổ chức giao lưu, gặp gỡ định kì

Doanh nghiệp cùng với nhà trường nên tạo các cuộc giao lưu để thảo luận và chia sẻ về các nhu cầu và khả năng hợp tác. Các cuộc gặp gỡ này không chỉ giúp có các cuộc giao lưu định kì mà còn giúp tạo sự uy tín, niềm tin bền vững cho hai bên. Ví dụ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và các doanh nghiệp đối tác đã có được các cuộc giao lưu, gặp gỡ hằng quý để trao

đổi, đánh giá tình hình kết hợp và tạo cơ hội mới cho hai bên [20].

b. Tổ chức các seminar chuyên đề

Các seminar chuyên đề với sự tham dự của người dạy, người học và các chuyên gia từ các tổ chức, đơn vị chuyên môn là dịp tốt để chia sẻ những kiến thức chuyên ngành, kinh nghiệm thực tiễn và kết nối. Những sự kiện này có thể đưa ra các chủ đề liên quan đến ngành nghề, từ đó tạo ra các dự án hợp tác thực tiễn. Chẳng hạn, Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức các buổi seminar về công nghệ thông tin để thu hút nhiều công ty như Viettel, VNPT tham dự và các startup công nghệ [20].

c. Xây dựng mạng lưới cộng đồng và diễn đàn trực tuyến

Doanh nghiệp và nhà trường cùng tạo các mạng lưới cộng đồng và diễn đàn trực tuyến để tạo thuận lợi việc trao đổi thông tin và hợp tác. Các nền tảng này giúp các bên dễ dàng tiếp cận thông tin và kết hợp các nghiên cứu. Ví dụ, Trường Đại học FPT đã tạo ra một nền tảng trực tuyến kết nối người học, người dạy và các tổ chức, đơn vị để thảo luận về các kế hoạch thực tập và các thông tin việc làm [20].

d. Sử dụng công nghệ hỗ trợ trong việc giao lưu

Doanh nghiệp và nhà trường nên thường xuyên áp dụng công nghệ để tăng cường giao lưu thông tin. Các công cụ như hội thảo trực tuyến, email, mạng xã hội chuyên nghiệp giúp các bên liên lạc và phối hợp một cách hiệu quả hơn. Chẳng hạn, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội sử dụng nền tảng Microsoft Teams để tổ chức các cuộc họp trực tuyến và quản lý các nghiên cứu hợp tác với đơn vị, tổ chức ngoài nhà trường [20].

2.3.4. Kế hoạch, chương trình thực tập

Chương trình, kế hoạch thực tập đã đem đến cho người học có điều kiện thực hành và học hỏi kinh nghiệm làm việc thực tiễn tại doanh nghiệp. Điều này không những giúp người học thực hiện được các lý thuyết đã học vào thực tế mà còn tạo điều kiện cho các tổ chức, đơn vị tiếp cận.

a. Thiết kế kế hoạch, chương trình thực tập thích hợp với yêu cầu doanh nghiệp

Doanh nghiệp cần tạo điều kiện cho nhà trường để tạo lập kế hoạch, chương trình thực tập đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và phù hợp nội dung giảng dạy ở nhà trường. Ví dụ, Trường Đại học FPT kết hợp với các công ty như FPT Software và VNG Corporation xây dựng chương trình, kế hoạch thực tập kéo dài từ 0,6 - 1 năm. Những kế hoạch, chương trình này giúp người học có điều kiện được làm việc thực tiễn tại các dự án và có khả năng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn [19].

b. Giúp đỡ, hỗ trợ người học trong thời gian thực tập

Nhà trường cần cung cấp các điều kiện giúp cho

người học trong suốt thời gian thực tập, bao gồm tư vấn hướng nghiệp, giúp đỡ kỹ thuật và giám sát. Các giáo viên và cố vấn từ doanh nghiệp cũng tham gia vào thời gian này để giúp người học có được thời gian thực tập thành công. Chẳng hạn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập các văn phòng hỗ trợ thực tập, nơi các chuyên gia tư vấn giúp người học có quyết định tốt nhất cho thời gian thực tập [20].

c. Đánh giá, sửa đổi, bổ sung kế hoạch, chương trình thực tập

Doanh nghiệp và nhà trường định kỳ tổ chức việc đánh giá, rút kinh nghiệm từ các đợt đưa người học đi thực tập theo kế hoạch và chương trình từng đợt dựa trên ý kiến phản hồi của người học và đơn vị, tổ chức tuyển dụng. Theo đó, đảm bảo kế hoạch, chương trình thực tập luôn nhận được sự đồng thuận của các bên và đem lại lợi ích cho người học, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp. Ví dụ, Đại học Bách Khoa Hà Nội khảo sát định kỳ người học và doanh nghiệp để lấy ý kiến và điều chỉnh chương trình thực tập. Kết quả cho thấy, tỉ lệ người học được nhận làm việc ngay sau khi hoàn thành chương trình học tập đã tăng từ 70% lên 85% sau khi áp dụng các cải tiến này [10].

d. Tạo cơ hội được tuyển dụng cho thực tập viên

Doanh nghiệp có thể xem quá trình thực tập như một cơ hội để tuyển dụng những nhân sự tiềm năng bằng cách trực tiếp đánh giá khả năng làm việc của người học trong suốt kì thực tập, qua đó lựa chọn những ứng viên thích hợp cho các vị trí chính thức. Chẳng hạn, Công ty Intel Việt Nam đã tuyển dụng hơn 50% thực tập viên từ các trường đại học thành viên thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội ngay khi thực tập viên hoàn tất chương trình thực tập [20].

3. Kết luận

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã tập trung phân tích các mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp ở Việt Nam, cụ thể là phân tích hiện trạng, các biện pháp phát triển sự kết hợp và kế hoạch thực hiện. Nghiên cứu này có ý nghĩa một phần nào đó đối với thực tiễn và phát triển các mối quan hệ trong lĩnh vực giáo dục, kinh tế, xã hội hiện nay. Bằng cách phát triển các mối quan hệ, hợp tác song phương của nhà trường với các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có thể đưa chất lượng đào tạo nâng lên, tạo điều kiện và môi trường làm việc tốt cho người học sau khi ra trường. Từ đó, đẩy mạnh việc sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp. Đồng thời, nghiên cứu cũng góp phần đưa ra các biện pháp chi tiết nhằm đẩy mạnh sự kết hợp giữa doanh nghiệp với nhà trường hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, (2023), *Báo cáo về tình hình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp*.
- [2] Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (2000), *The dynamics of innovation: From National Systems and "Mode 2" to a Triple Helix of university-industry-government relations*, *Research Policy*, 29(2), p.109-123.
- [3] Becker, G. S. (1964), *Human capital: A theoretical and empirical analysis, with special reference to education*, National Bureau of Economic Research.
- [4] Bertalanffy, L. Von, (1968), *General system theory: Foundations, development, applications*, George Braziller.
- [5] OECD, (2021), *Education at a Glance 2021: OECD Indicators*, Paris: OECD Publishing.
- [6] National Association of Colleges and Employers (NACE), (2018), *Internship & co-op survey report*, Retrieved from NACE website.
- [7] Smith, R., & Betts, M. (2020), *Enhancing student employability through internships*, *Education and Training Journal*, 62(5), p.567-580.
- [8] Collins, J. (2019), *The benefits of internships for students and companies*, *Journal of Business Education*, 12(3), p.45-58.
- [9] Jones, M., & Kim, S. (2021), *University-industry collaboration: Models and best practices*, *Higher Education Journal*, 14(2), p.34-47.
- [10] Trần, Thị Thu Hà, et al, (2021), *University-Industry Collaboration in Vietnam: Benefits and Challenges*, *Journal of Science and Technology Policy Management*, 12(3), p.412-428.
- [11] Nguyễn, P. Q., & Lê, T. H. (2020), *Tác động của các chương trình học bổng doanh nghiệp đối với sinh viên: Nghiên cứu trường hợp Intel Việt Nam*, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 15(2), tr.45-59.
- [12] Nguyễn, T. K., & Trần, Q. H. (2020), *Đánh giá hiệu quả các chương trình liên kết đào tạo giữa trường đại học và doanh nghiệp: Trường hợp HUTECH và Tập đoàn FPT*.
- [13] Lê, V. T. (2021), *Hợp tác đào tạo giữa doanh nghiệp và trường đại học: Lợi ích và thách thức*, *Tạp chí Quản lí Kinh doanh*, 14(2), tr.45-58.
- [14] Bùi, T. A., & Lê, V. B., (2021), *Hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo: Lợi ích và thách thức*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [15] METI, (2020), *White Paper on Small and Medium Enterprises in Japan*, Ministry of Economy, Trade and Industry.
- [16] Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, (2022), *Khảo sát về thực trạng hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Việt Nam*.
- [17] KRIVET, (2019), *Annual Report on the Korean Education System*, Korean Research Institute for Vocational Education & Training.
- [18] BIBB, (2021), *Vocational Education and Training in Germany 2021*, Federal Institute for Vocational Education and Training.
- [19] Nguyễn, Anh Tuấn, & Phạm, Thị Thanh, (2020), *Enhancing University-Industry Collaboration: A Literature Review*, *Journal of Business and Economics Research*, 18(2), p.31-48.
- [20] Lê, Quốc Toàn, (2022), *Enhancing University-Industry Collaboration: Best Practices from Vietnam*, *Journal of Education and Development Studies*, 10(1), p.78-93.
- [21] Bùi, Thị Thu Hằng, & Lê, Quốc Toàn, (2021), *Benefits of University-Industry Collaboration: A Case Study from Vietnam*, *Journal of Education and Development Studies*, 11(2), p.154-169.
- [22] Trần, N. T., Phạm, M. H., & Nguyễn, V. A. (2019), *Hợp tác giữa doanh nghiệp và trường đại học: Tài trợ học bổng và các lợi ích*, *Tạp chí Phát triển Giáo dục*, 10(3), tr.67-78.
- [23] Trần, Minh Đức, Nguyễn, Thị Thu Hà, & Lê, Quốc Toàn, (2019), *University-Industry Collaboration in Vietnam: Benefits and Challenges*, *Journal of Science and Technology Policy Management*, 10(3), p.412-428.

SOLUTIONS TO STRENGTHEN THE COLLABORATION BETWEEN SCHOOLS AND BUSINESSES

Nguyen Duc Huy¹, Le Hong Khanh*²

¹ Email: ndhuy@moet.edu.vn
Ministry of Education and Training
35 Dai Co Viet street, Hai Ba Trung,
Hanoi, Vietnam

* Corresponding author

² Email: khanh@epu.edu.vn
Electric Power University (EPU)
235 Hoang Quoc Viet street,
Cau Giay, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: Currently, economic and educational globalization has been the trend worldwide. The advancement of modern science and technology has enhanced the collaboration between businesses and schools in improving the quality of research, education, and training while promoting sustainable economic and social development. Despite many efforts, this collaboration has not yet achieved the expected results. Based on theoretical and practical research on the cooperation between businesses and schools, the study proposed several measures to strengthen its effectiveness, contributing to bringing benefits in research, teaching, training, and collaboration between the two sides.

KEYWORDS: School, business, collaboration, development, benefits.